

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2023

“*V/v: Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ.

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kim D**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

Bị đơn: Anh **Hồ Vũ C**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Võ Thị Kim D** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước đây giữa chị và anh **Hồ Vũ C** có quen biết tìm hiểu tình cảm với nhau, sau đó tiến tới kết hôn vào năm 2018, hai bên gia đình không có tổ chức lễ cưới theo phong tục mà chỉ làm lễ tuyên bố hai bên. Quá trình chung sống chị và anh **C không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định**. Chị và anh **Hồ Vũ C** chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **C** không chí thú làm ăn, mà mê chơi bời không quan tâm đến kinh tế của gia đình, từ đó anh chị thường hay gây gổ với nhau và ngày càng gay gắt, ngoài ra anh **C** còn quen người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không sửa đổi, do thấy không ở được nữa nên chị đã dọn về nhà mẹ ruột ở từ năm 2021 và từ thời gian đó cho đến nay giữa chị và anh **C** không còn chung sống với nhau; trong thời gian đó chị và anh **C** có gặp nhau vài lần để hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Nay, chị xét thấy chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và để trả lại tự do cho nhau. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với anh **Hồ Vũ C**.

- Về con chung: Chị và anh **Hồ Vũ C** chung sống có được 02 đứa con chung tên là Võ Thị Như Ý (giới tính nữ), sinh ngày 20/5/2020 và **Võ Ngọc Như Q** (giới tính nữ), sinh ngày 10/4/2022, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị. Ly hôn chị **D** có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị cam kết đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc cho anh **C** theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: **Chị xác định chung sống không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.**

Về nợ chung: Chị khẳng định trong thời kỳ quá trình chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Đối với bị đơn **anh Hồ Vũ C** không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho **anh C** nhưng **anh** không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của **anh Hồ Vũ C**.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn **anh Hồ Vũ C** đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Võ Thị Kim D** và anh **Hồ Vũ C** là vợ chồng; Về con chung: Giao hai con chung tên là Võ Thị Như Ý (giới tính nữ), sinh ngày 20/5/2020 và **Võ Ngọc Như Q** (giới tính nữ), sinh ngày 10/4/2022 cho chị **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị **D** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị **D** xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu nên miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Võ Thị Kim D** xin ly hôn đối với anh **Hồ Vũ C**. Nơi bị đơn **anh C** đang cư trú tại **ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **Hồ Vũ C** với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; 02 lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh **Hồ Vũ C** không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, anh **Hồ Vũ C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Hồ Vũ C**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Thị Kim D** và anh **Hồ Vũ C** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận anh chị không có đăng ký kết hôn theo đơn xin xác nhận ngày 31/3/2023, trong quá trình chung sống đến nay anh chị vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn trễ hạn, do đó hôn nhân của anh chị trái với Luật hôn nhân và gia đình và là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình 2014 “*Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Do cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn kéo dài anh chị đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2021 cho đến nay, hiện nay mỗi người chỉ biết bốn phận mình, giữa anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị **D** có yêu cầu xin ly hôn. Do đó cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Võ Thị Kim D** và anh **Hồ Vũ C** theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị **Võ Thị Kim D** xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Thị Như Ý (giới tính nữ), sinh ngày 20/5/2020 và **Võ Ngọc Như Q** (giới tính nữ), sinh ngày 10/4/2022. Hiện nay, cháu Ý và cháu **N** đang sống cùng với chị nên chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh ca phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu Ý và cháu **N** sống cùng với chị **D** và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác và hiện nay chị **D** có thu nhập ổn định; mặt khác hai cháu con rất nhỏ, cháu Ý mới bước qua 03 tuổi, còn cháu **N** dưới 3 tuổi nên việc chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp nên HĐXX chấp nhận, ghi nhận việc chị **D** không yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng chi phí nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: **Chị Võ Thị Kim D** xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ **chị Võ Thị Kim D** phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa **chị Võ Thị Kim D** và anh **Hồ Vũ C** là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu **Võ Thị Như Ý** (giới tính nữ), sinh ngày 20/5/2020 và **Võ Ngọc Như Q** (giới tính nữ), sinh ngày 10/4/2022 cho **chị D** tiếp tục chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến của **chị D** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Vũ C không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở **anh** thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, **chị** có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: **Chị Võ Thị Kim D** phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số **0006752, ngày 11/4/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, **chị D** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Định An;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn